

Bản án số: **45/2019/HNGĐ-ST.**

Ngày 14/05/2019.

V/v “*Xin ly hôn và nuôi con*”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT - TỈNH KIÊN GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trịnh Thị Hồng Điệp

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1/ Ông Nguyễn Thanh Cần

2/ Bà Phạm Hồng Gái

***Thư ký phiên tòa ghi biên bản phiên tòa:*** ông Đặng Thanh Sang - Thư ký  
TAND huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn đất tham phiên tòa:*** Không.

Ngày 14 tháng 05 năm 2019 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 53/2019/TLST-HNGĐ ngày 18/02/2019 về việc “*Xin ly hôn và giải quyết nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2019/QĐXXST- HNGĐ, ngày 08/04/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Trần Thị Hồng V**, sinh năm 1995.

Địa chỉ: Tổ 10, ấp H, xã T, huyện H, tỉnh K.

(Chị V có mặt tại phiên tòa)

Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn P**, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Tổ 10, ấp H, xã T, huyện H, tỉnh K.

(Anh P vắng mặt tại phiên tòa )

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Theo đơn khởi kiện đề ngày 19/12/2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Trần Thị Hồng V trình bày như sau:*

- *Về hôn nhân:* Vào năm 2011 chị Trần Thị Hồng V và anh Nguyễn Văn P tự nguyện tìm hiểu và yêu thương nhau, anh chị được gia đình hai bên tổ chức đám cưới, anh chị có đăng ký kết hôn tại UBND xã L và được cấp giấy chứng nhận kết

vào ngày 14/01/2015. Trong quá trình chung sống với nhau thời gian đầu anh chị sống rất hạnh phúc cho đến năm 2018 thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, mà chủ yếu là về vấn đề tình cảm vợ chồng luôn bất đồng quan điểm, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nên chị V bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống và anh chị đã sống ly thân với nhau từ đó cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị V yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn P.

- *Về con chung*: Chị V trình bày anh chị có 02 người con chung tên Nguyễn Thị Lan A, sinh ngày 14/12/2011 và Nguyễn Thị Thục A, sinh ngày 20/9/2016.

Chị V yêu cầu được nuôi cháu Nguyễn Thị Thục A và chị V đồng ý giao cháu Nguyễn Thị Lan A cho anh P được tiếp tục nuôi dưỡng (hiện nay cháu Lan Anh đang do anh P nuôi dưỡng).

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản và nợ chung*: Chị V khai rằng vợ chồng chị không có tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

\* *Ý kiến của bị đơn anh Nguyễn Văn P trình bày như sau*:

- *Về hôn nhân*: Anh P và chị V tự tìm hiểu và đi đến hôn nhân, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, được cấp giấy chứng nhận kết vào ngày 14/01/2015. Quá trình chung sống có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Lan A, sinh ngày 14/12/2011 và cháu Nguyễn Thị Thục A, sinh ngày 20/9/2016. Vợ chồng chung sống với nhau rất hạnh phúc nhưng đến năm 2018 không biết lý do gì mà chị V bỏ về nhà mẹ ruột chị V sinh sống và cũng từ đó anh chị bắt đầu sống ly thân với nhau cho đến nay. Nay chị V cương quyết xin ly hôn với anh thì anh cũng đồng ý.

- *Về con chung*: Có 02 người con chung tên Nguyễn Thị Lan A, sinh ngày 14/12/2011 và cháu Nguyễn Thị Thục A, sinh ngày 20/9/2016. Anh yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu Nguyễn Thị Lan A và đồng ý để chị V được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Thục A.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Anh P thống nhất anh và chị V không có tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Ngoài ra, anh P không trình bày gì thêm.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định vụ án này như sau:*

*[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Theo nội dung đơn xin ly hôn của chị Trần Thị Hồng V thì đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, bị đơn trong vụ án có nơi cư trú tại huyện Hòn Đất theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 thì vụ án thuộc thẩm giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất.

*[2] Về thủ tục tố tụng:* Anh Nguyễn Văn P là bị đơn trong vụ án đã được triệu tập hợp lệ lần 2 nhưng vẫn vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ Luật tố tụng dân sự.

*[3] Về nội dung vụ án:*

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Trần Thị Hồng V và anh Nguyễn Văn P đều trình bày quan hệ hôn nhân giữa anh chị được xác lập vào năm 2011. Chị V và anh P đều thừa nhận anh chị đi đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, được cấp giấy chứng nhận kết vào ngày 14/01/2015. Tuy nhiên, theo chị V trình bày trong quá trình chung sống hai bên xảy ra mâu thuẫn mà chủ yếu là do bất đồng về quan điểm sống nên hai người thường xuyên cự cãi nhau dẫn đến cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Từ tháng 4 năm 2018 chị V bỏ về nhà mẹ ruột sinh sống và hai người cũng bắt đầu sống ly thân với nhau cho đến nay đã được hơn 01 năm. Nay thấy tình cảm vợ chồng giữa chị V và anh P không còn khả năng đoàn tụ. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị V và anh P đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị V cương quyết ly hôn thì anh P cũng đồng ý. Do đó, Hội đồng xét xử cần thiết ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị V và anh P.

- *Về con chung:* Chị V và anh P đều thống nhất anh chị có 02 người con chung tên Nguyễn Thị Lan A, sinh ngày 14/12/2011 và Nguyễn Thị Thục A, sinh ngày 20/9/2016.

Xét yêu cầu của chị Trần Thị Hồng V; chị V yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Thục A và đồng ý giao cháu Nguyễn Thị Lan A cho anh P được tiếp tục nuôi dưỡng thì được anh P đồng ý. Đồng thời theo bản tự khai đề ngày 20/03/2019 của cháu Nguyễn Thị Lan A thì sau khi cha mẹ ly hôn cháu Lan Anh có nguyện vọng được ở cùng với cha là anh P vì hiện nay cháu đang ở cùng cha. Do đó, Hội đồng xét xử thấy rằng đây là sự tự nguyện của các đương sự nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị V và anh P không yêu cầu về phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Chị V và anh P đều xác nhận là không có tài sản chung và cũng không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] *Về án phí*: Chị Trần Thị Hồng V phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH**

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 232 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng Điều 55, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

1/ Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị Hồng V với anh Nguyễn Văn P.

2/ Về quan hệ con chung: Ghi nhận sự tự nguyện của chị V và anh P, giao cháu Nguyễn Thị Thục A, sinh ngày 20/9/2016 cho V nuôi dưỡng; giao cháu Nguyễn Thị Lan A, sinh ngày 14/12/2011 cho anh P được tiếp tục nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị V và anh P không yêu cầu về phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về quyền thăm nom, chăm sóc con chung: Trong thời gian nuôi con, chị V và anh P được quyền đến thăm nom con, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cấm cản.

3/ Về tài sản và nợ chung: Các đương sự thống nhất không có tài sản chung và cũng không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4/ Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Buộc chị Trần Thị Hồng V phải nộp 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được đối trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp là 300.000đồng theo biên lai thu số: 0000647, ngày 11/01/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang. Như vậy, chị V không phải nộp thêm tiền án phí sơ thẩm.

5/ Quyền kháng cáo: Báo cho chị Trần Thị Hồng V có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng anh Nguyễn Văn P có quyền

kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.*

**Nơi nhận:**

- TÁ tỉnh Kiên Giang;
- VKS nhân dân huyện Hòn Đất;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Trịnh Thị Hồng Điệp**